| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**<br>Bản án số: 11/2025/HS-ST<br>Ngày 10-9-2025 | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Lê Thị Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Thị Thanh Tú.

2. Bà Bùi Thị Kim Thu.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Lộc - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên tham gia phiên toà*:** Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/9/2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2025/HSST, ngày 08 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

**Trịnh Công T**, tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Ngày, tháng, năm sinh: 26 tháng 8 năm 1977, tại Thái Nguyên (trước đây là tỉnh Bắc Kạn); Nơi ĐKHKTT: Tổ X, phường Đ, tỉnh T (trước đây là: Tổ C, phường Đ, T phố B, tỉnh B); Nơi ở: Tổ 9, phường Đ, tỉnh T (trước đây là Tổ 9, phường N, T phố B, tỉnh B); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Trịnh Công S (đã chết) và Nguyễn Thị T2 (đã chết). Có vợ là Hoàng Thị Nha T3(đã ly hôn năm 2015) và có 01 con, sinh năm 2009.

Tiền án: 02 tiền án: - Bản án số 20/2009/HSST ngày 18/5/2009 của TAND thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt 8 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", ngày 15/5/2015 chấp hành án xong.

- Bản án sơ thẩm số 24/2016/HSST ngày 05/4/2016 của TAND T phố B, tỉnh B(cũ) xử phạt 10 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Trịnh Công T kháng cáo. Bản án phúc thẩm số 18/2016/HSPT ngày 12/7/2016 của Tòa án

nhân dân tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt 8 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Ngày 13/01/2023 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: - Năm 2002 đăng ký chữa bệnh cai nghiện ma túy tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội thuộc Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Bắc Kạn (cũ), thời hạn 12 tháng.

- Năm 2007 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 652 ngày 31/7/2007 của UBND thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (cũ), thời hạn 12 tháng (đã chấp hành xong).

- Ngày 30/7/1997 bị Tòa án nhân dân thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt 36 tháng tù về tội "Mua bán, vận chuyển và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo bản án số 15 (đã xóa án tích).

- Ngày 09/9/2003 bị Tòa án nhân dân thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt 42 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 25 (đã xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn (nay là trại tạm giam số 2 Công an tỉnh T) từ ngày 17/12/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ ngày 17/12/2024, tại khu vực tổ 8, phường N, T phố B, tỉnh B nay là tổ 8, phường Đ, tỉnh T), tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Kạn (nay là Công an tỉnh T), bắt quả tang Trịnh Công T đang tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trong lòng bàn tay trái của T 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng (không có nắp), bên trong có 01 gói được gói bằng giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong có chứa chất màu trắng dạng bột và 01 túi nilon màu đen, miệng túi có khóa zip, bên trong có chứa chất màu trắng dạng cục và bột (đều nghi là ma túy). Tổ công tác đã tiến hành niêm phong các vật chứng trên vào trong phong bì ký hiệu T1. Ngoài ra còn tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, đã qua sử dụng bên trong có 01 sim số thuê bao 0967.660.559 và 01 cân điện tử Pocket Scale màu đen đã qua sử dụng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Công T tại Tổ 9, phường N, T phố B, tỉnh B (nay là tổ 9, phường Đ, tỉnh T). Kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tiến hành mở niêm phong, cân xác định số chất màu trắng dạng cục và bột thu giữ của Trịnh Công T trong phong bì T1 có tổng khối lượng 12,43g (mười hai phẩy bốn mươi ba gam), sau khi cân niêm phong vào phong bì A1 gửi để trưng cầu giám định, túi gói cũ được niêm phong vào phong bì ký hiệu A2.

Tại bản kết luận giám định số 13/KL-KTHS ngày 23/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn (nay là Công an tỉnh T) kết luận:

Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 12,43g (mười hai phẩy bốn mươi ba gam).

Sau giám định, mẫu chất còn lại trong phong bì A1 còn lại 12,39g (mười hai phảy ba chín gam) cùng toàn bộ phong bì, bao gói cũ niêm phong vào phong bì mới ký hiệu T10 hoàn lại cơ quan trưng cầu.

Trịnh Công T khai nhận: Trước đó, ngày 10/12/2024 T gọi điện thoại từ số 0967.660.559 của T cho một người đàn ông tên H ở bến xe khách Thái Nguyên có số điện thoại 0961.762.654 để hỏi mua ma túy, được H đồng ý bán ma túy cho T và bảo T xuống bến xe khách T gặp nhau, khoảng hơn 09 giờ ngày 17/12/2024, T bắt xe ô tô khách từ khu vực tổ Khuổi Thuổm, phường Huyền Tụng, T phố B, tỉnh B(nay là tổ 5, phường Đ, tỉnh T) đi Thái Nguyên tìm mua ma túy (loại Heroine) để sử dụng. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T xuống đến bến xe khách tỉnh T, tại đây T đi bộ tìm mua ma túy, sau đó có một người đàn ông tên H (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang không nhìn rõ mặt gặp T, qua nói chuyện T biết H có ma túy bán nên bảo H mua với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)", H đồng ý và bảo T đợi một lát. Sau đó, H bỏ đi khoảng 15 phút sau H quay lại bán cho T 01 gói được gói bằng vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng (không có nắp) bên trong vỏ bao thuốc lá có 01 (một) gói được gói bằng giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong chứa chất màu trắng dạng bột là ma tuý, loại Heroine và 01 (một) túi ni lon màu đen, miệng túi có khoá zip bên trong chứa chất màu trắng dạng cục và bột là ma tuý, loại Heroine, nhận ma túy T đưa cho H số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Do T nghi ngờ về số lượng ma túy ít và có thắc mắc nên H đưa cho T 01 (một) chiếc cân điện tử để T mang về cân số lượng ma túy, sau đó H bỏ đi đâu thì T không biết. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T bắt xe buýt về T phố B, tỉnh B (nay là tỉnh T), khi T vừa xuống xe buýt tại tổ 8, phường N, T phố B, tỉnh B (nay là tổ 8, phường Đ, tỉnh T) thì bị tổ công tác của Phòng CSĐTTP về Ma túy, Công an tỉnh Bắc Kạn (nay là Công an tỉnh T) kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

* Về vật chứng: - 01 phong bì niêm phong ký hiệu T10;

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu A2;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Điện thoại có hai số IMEI: 355734077658156 và 35573407765815, bên trong điện thoại gắn 01 (một) sim thuê bao 0967.660.559.

- 01 cân điện tử màu đen, nắp đen nắp cân ghi dòng chữ màu trắng POCKET SCALE.

Tất cả số vật chứng trên hiện đang tạm giữ và bảo quản theo quy định.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng số 04/CT – VKSKV6 ngày 07/8/2025 truy tố bị cáo Trịnh Công T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* và tại bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Trịnh Công T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm g, o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Trịnh Công T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2024.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015: + Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu T10 chứa mẫu hoàn trả sau giám định, bên trong có 12,39g (mười hai phảy ba chín gam) Heroine cùng phong bì, bao gói cũ; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A2 bên trong chứa túi gói cũ; 01 (một) xác sim số thuê bao 0967.660.559 của Trịnh Công T; 01 cân điện tử màu đen, nắp đen nắp cân ghi dòng chữ màu trắng POCKET SCALE.

+ Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Điện thoại có hai số IMEI: 355734077658156 và 35573407765815.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trịnh Công T nói lời sau cùng, có ý kiến mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan điều tra Công an T phố Bắc Kạn (cũ); Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân T phố Bắc Kạn (cũ), Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên toà, bị cáo Trịnh Công T đã thừa nhận hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hồi 18 giờ ngày 17/12/2024, tại khu vực tổ 8, phường N, T phố B, tỉnh B(nay là tổ 8, phường Đ, tỉnh T), Trịnh Công T có hành vi tàng trữ trái phép 12,43g (mười ba phẩy bốn mươi ba gam) ma túy, loại Heroine với mục đích để sử dụng thỏa mãn cho bản thân thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang.

[3] Trịnh Công T có 02 tiền án, chưa được xoá án tích, do vậy hành vi tàng trữ trái phép 12,43g (mười ba phẩy bốn mươi ba gam) ma túy của Trịnh Công T đã phạm vào tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" quy định tại các điểm g, o khoản 2 Điều 249/BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều luật có nội dung:

"***Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy***

*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a)...*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

*a)…*

*g) Heroine…có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;*

*…….*

*o) Tái phạm nguy hiểm;*

*……*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*".

[4] Xét tính chất hành vi của bị cáo gây ra là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an, an ninh xã hội. Vì vậy, phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trịnh Công T có nhân thân xấu, ngoài 02 tiền án thì bị cáo còn 02 lần bị xét xử cũng về hành vi liên quan đến ma túy và có 02 lần đi cai nghiện ma túy (trong đó có 01 lần là bắt buộc); Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo *"T khẩn khai báo, ăn năn hối cải";* Bị cáo có có bố đẻ là ông Trịnh Công Sâm là người tham gia kháng chiến chống pháp.Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy, đã từng bị xét xử về các hành vi "mua bán, tàng trữ… trái phép chất ma túy" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có hình phạt thích đáng dành cho bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở T người có ích cho xã hội và để phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy mục đích phạm tội của bị cáo không phải để kiếm lời, bị cáo là người nghiện ma túy và không có tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo không có tính khả thi. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Công T.

[8] Về vật chứng của vụ án: + Đối với vật chứng là: 01 phong bì niêm phong ký hiệu T10 chứa mẫu hoàn trả sau giám định, bên trong có 12,39g (mười hai phảy ba chín gam) Heroine cùng phong bì, bao gói cũ; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A2 bên trong chứa túi gói cũ; 01 (một) xác sim số thuê bao 0967.660.559 của Trịnh Công T; 01 cân điện tử màu đen, nắp đen nắp cân ghi dòng chữ màu trắng POCKET SCALE. Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Đối với vật chứng là: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Điện thoại có hai số IMEI: 355734077658156 và 35573407765815 của Trịnh Công T. Bị cáo thừa nhân đã sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc mua ma túy. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu, hóa giá, sung quỹ nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Đối với Đối với người đàn ông tên H có số thuê bao 0961.762.654 đã bán ma túy cho T tại khu vực bến xe khách tỉnh T như T đã khai. Quá trình điều tra, xác định số thuê bao này đăng ký tên bà Dương Thị Hồng (sinh năm 1969, trú

tại tổ dân phố Đình Cả 1, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh T), bà Hồng cho rằng mình không đăng ký, không sử dụng sim số thuê bao 0961.762.654 và không có mối quan hệ gì với Trịnh Công T. Cơ quan điều tra cũng không thu thập được chứng cứ gì chứng minh bà Hồng có sử dụng số thuê bao mà T cung cấp và cho rằng là của người bán ma túy cho T. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý bà Hồng. Do T không biết cụ thể họ tên, địa chỉ của người tên H, cũng không biết mặt người tên H, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác định rõ thông tin lai lịch, địa chỉ cụ thể của người đàn ông tên H để điều tra, xử lý. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Tuyên bố**: Bị cáo Trịnh Công T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng các điểm g, o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Trịnh Công T 08 (Tám) năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2024.

**2. Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015: + Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu T10 chứa mẫu hoàn trả sau giám định, bên trong có 12,39g (mười hai phảy ba chín gam) Heroine cùng phong bì, bao gói cũ; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A2 bên trong chứa túi gói cũ; 01 (một) xác sim số thuê bao 0967.660.559 của Trịnh Công T; 01 cân điện tử màu đen, nắp đen nắp cân ghi dòng chữ màu trắng POCKET SCALE.

+ Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Điện thoại có hai số IMEI: 355734077658156 và 35573407765815.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Thái Nguyên*).

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 135, 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trịnh Công T phải chịu 200,000đ án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TN;
- VKSND KV6;
- Công an tỉnh TN;
- THADS TN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hiền**